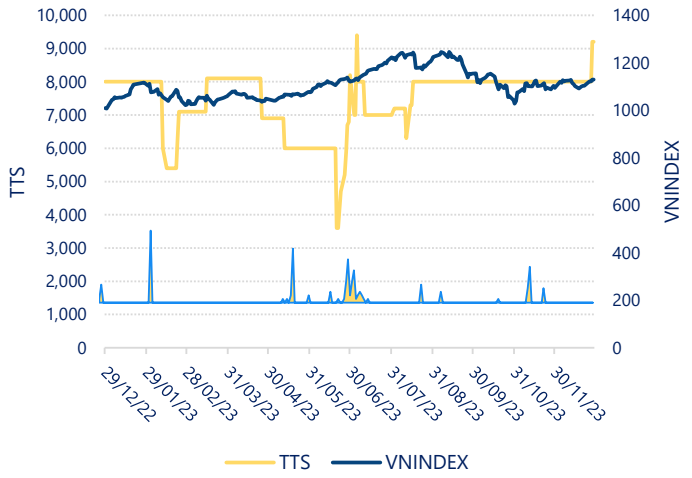
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

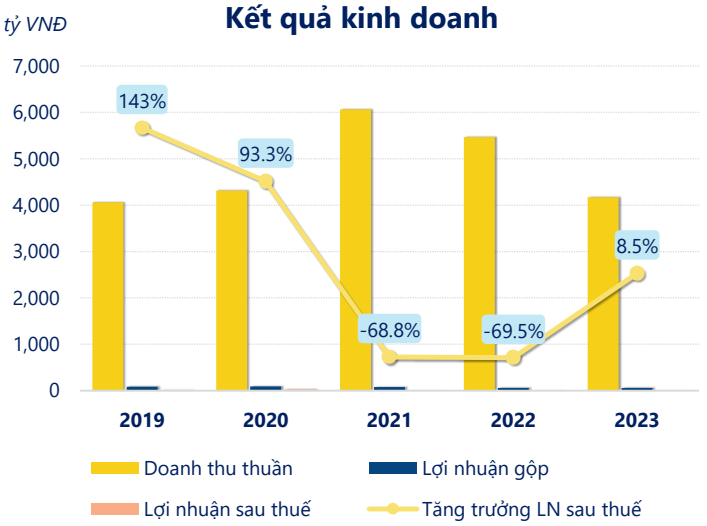
Ngày 29/12/2023	9,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.0%	15.0%	15.0%

	2023	YoY
DT thuần	4,172 *tỷ VNĐ*	▼ 1,299 ▼ 23.8%
LN gộp	59.4 *tỷ VNĐ*	▼ 1.10 ▼ 1.7%
LN thuần	8.78 *tỷ VNĐ*	▲ 1.00 ▲ 12.8%
LN sau thuế	2.95 *tỷ VNĐ*	▲ 0.23 ▲ 8.5%
ROE	1.0%	+/- YoY ▲ 0.1%
ROA	0.2%	

Lịch sử giá

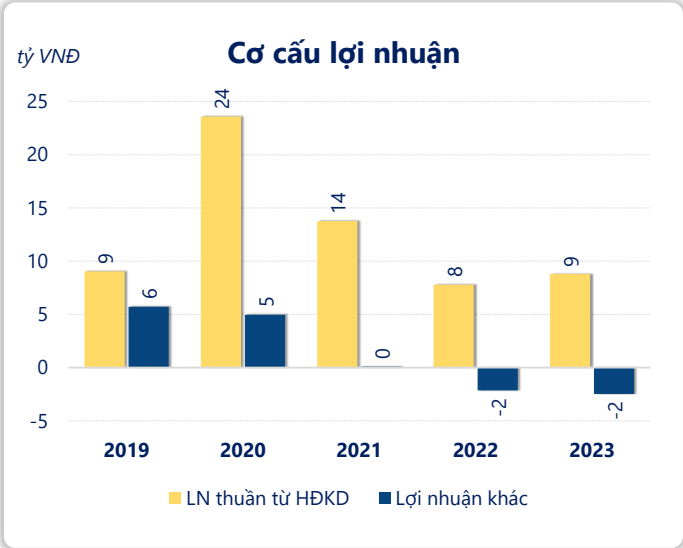


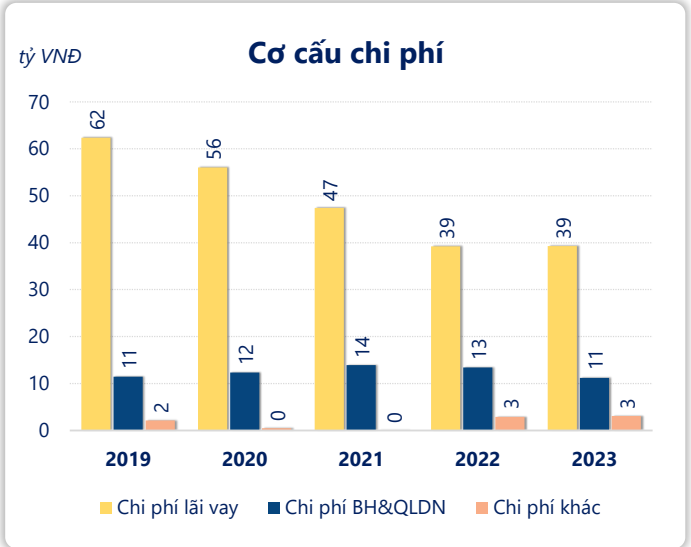
Kết quả kinh doanh



Năm **2023**, **TTS** ghi nhận doanh thu thuần **4,172** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **2.95** tỷ đồng, lần lượt **giảm 23.8%** và **tăng 8.45%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

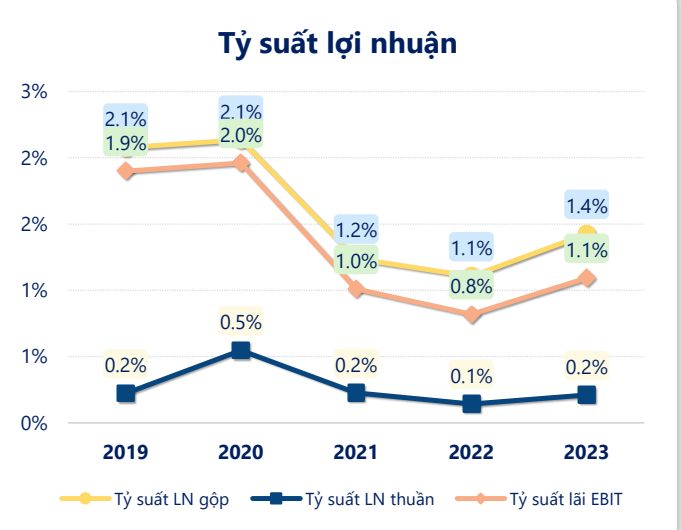


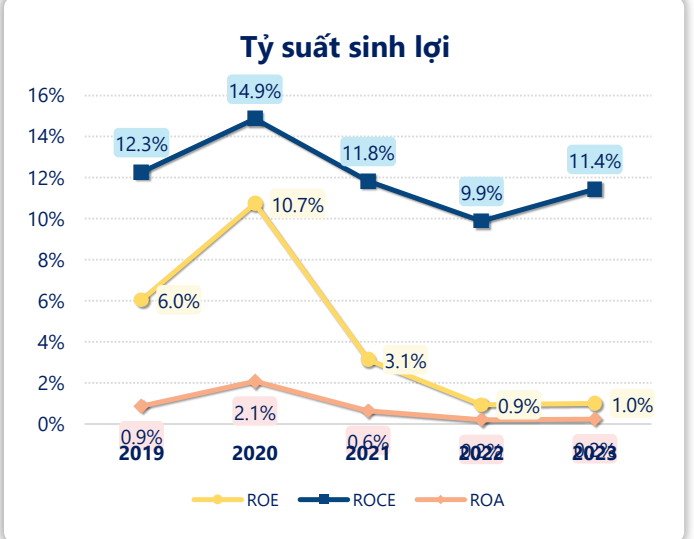


Năm **2023**, **TTS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **8.78** tỷ đồng, **tăng lên 0.99** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (12.58 tỷ đồng) là 3.81 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

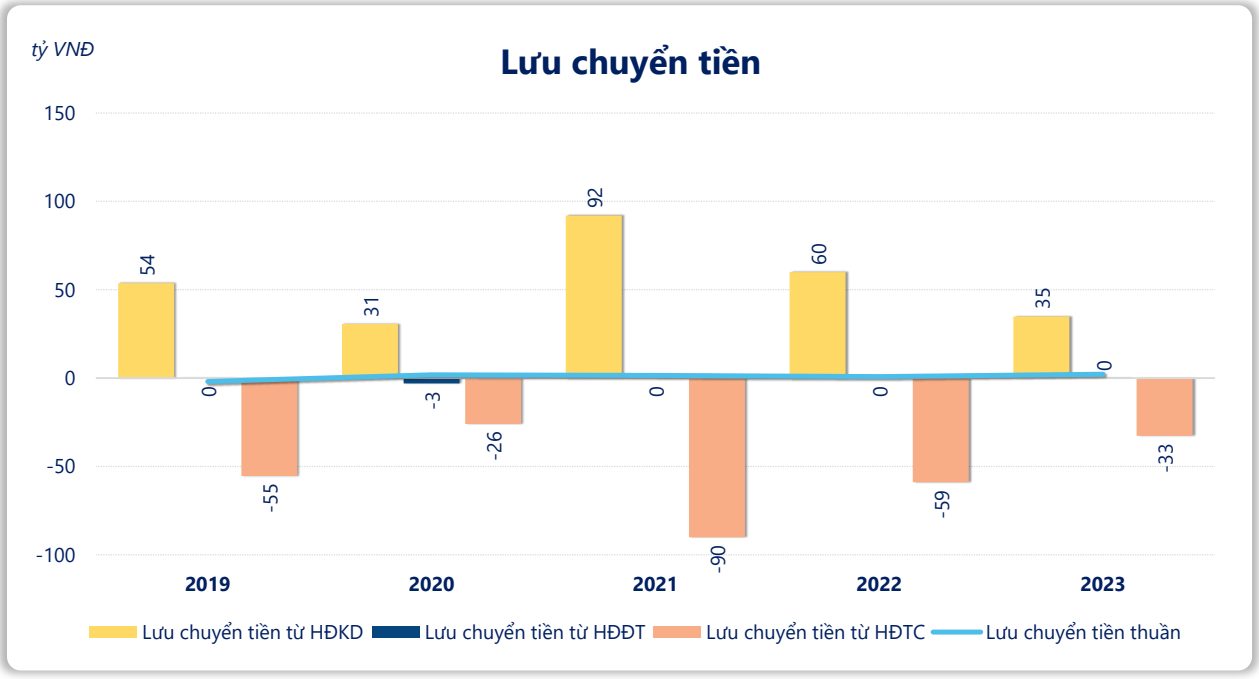
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **39.31** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **11.22** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **3.10** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của TTS năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.00%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**4,062**	**4,312**	**6,067**	**5,471**	**4,172**
Giá vốn hàng bán	3,977	4,220	5,992	5,411	4,112
Lợi nhuận gộp	**84.4**	**92.1**	**75.2**	**60.5**	**59.4**
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
Chi phí TC	63.9	56.2	47.5	39.3	39.5
Chi phí lãi vay	**62.4**	**56.0**	**47.4**	**39.2**	**39.3**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.30	0.25	0.17	0.27	0.18
Chi phí QLDN	11.1	12.1	13.7	13.1	11.0
LN thuần từ HĐKD	**9.03**	**23.6**	**13.8**	**7.78**	**8.78**
Lợi nhuận khác	5.72	4.96	0.10	-2.15	-2.48
LN trước thuế	**14.8**	**28.5**	**13.9**	**5.63**	**6.30**
Lợi nhuận sau thuế	**14.8**	**28.5**	**8.91**	**2.72**	**2.95**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.8**	**28.5**	**8.91**	**2.72**	**2.95**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của TTS bằng **2.20** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (0.84 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **34.91** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.00** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-32.71** tỷ đồng.